

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-ST
Ngày 17/9/2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thu Hằng.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DS, ngày 28/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-DS, ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1973. Địa chỉ: khu phố Tám Thước, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp Rạch Đùng, xã Bình Trị, huyện K, tỉnh Kiên Giang và ông Trịnh Thế Phước, sinh năm: 1992. Địa chỉ: ấp Song Chính, xã Bình Trị, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 27/11/2019).

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm: 1981.

- Ông Giang Văn M, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Phước, bà T có mặt, ông M có đơn xin vắng, bà N, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Thế Phước trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 10/8/2016, bà Lê Thị N có cho bà Phạm Thị Kiều T vay số tiền 100.000.000 đồng, vài ngày sau có cho bà T vay thêm số tiền 50.000.000 đồng và có lập biên nhận mượn tiền cho bà T ký tên. 02 bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng trên số tiền 150.000.000 đồng là 7.500.000 đồng. Ngoài ra bà N có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ, bà N đóng hụi đầy đủ, đến ngày 30/11/2017, bà T tuyên bố bẻ hụi, số tiền hụi mà bà T còn nợ bà N là 56.800.000 đồng. Tổng số tiền bà T còn nợ bà N là 206.800.000 đồng, bà T có trả được 30.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 176.800.000 đồng. Nay bà N yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M trả số nợ 176.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Bà T có vay của bà Lê Thị N 02 lần với số tiền 150.000.000 đồng. Bà N lấy tiền lãi 5%/tháng của số tiền 150.000.000 đồng là 7.500.000 đồng để đóng qua tiền hụi do bà T làm chủ, nên bà T có nợ bà N tiền hụi là 56.800.000 đồng. Bà T thừa nhận còn nợ tổng số tiền hụi và tiền vay là 206.800.000 đồng. Bà T đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại là 176.800.000 đồng.

Bà T đồng ý trả số nợ 176.800.000 đồng cho bà N, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà T xin trả hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đến năm 2021, bà T xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà T cũng không yêu cầu xem xét phần tiền lãi trước đây bà đã đóng cho bà N. Số tiền vay và tiền hụi của bà N, chồng bà T là ông Giang Văn M đều biết và số tiền này dùng để trang trải trong cuộc sống gia đình.

Do ông Giang Văn M đi làm các công trình xây dựng thời gian từ 06 tháng trở lên mới về nhà một lần, nên hiện tại ông M không có mặt tại địa phương. Các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ông M đều đã nhận được nhưng không thể về kịp tham gia tố tụng tại Tòa án và có đơn xin vắng tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để quá hạn nên cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N, buộc bà T, ông M trả cho bà N số tiền còn nợ. Bà T, ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M có nơi cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với ông M vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà N, ông Hải vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Lê Thị N và bà Phạm Thị Kiều T có lập hợp đồng vay tiền, cụ thể bà N đã cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng. Bà N có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ, tổng cộng bà N đã đóng hụi được số tiền 56.800.000 đồng, số tiền này được bà N và bà T thống nhất lấy lãi 5% trên số tiền 150.000.000 đồng là 7.500.000 đồng đóng qua tiền hụi. Tổng số tiền bà T còn nợ bà N là 206.800.000 đồng, bà T có trả cho bà N được tổng số tiền 30.000.000 đồng, số tiền bà T còn nợ bà N đến nay chưa trả là 176.800.000 đồng và bà T cũng thừa nhận còn nợ bà N số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, bà T không có khả năng trả 01 lần hết số nợ nêu trên, mà xin trả dần cho đến khi hết nợ nhưng bà N không đồng ý mà yêu cầu trả một lần hết nợ, không yêu cầu tính lãi. Bà N yêu cầu vợ chồng bà T, ông M cùng phải trả số tiền trên là phù hợp bởi lẽ số tiền này bà T dùng cho mục đích trang trải cuộc sống gia đình nên xác định đây là trách nhiệm chung của vợ chồng bà T, ông M. Vì vậy, bà N yêu cầu bà T, ông M trả số tiền còn nợ 176.800.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận, bà N không yêu cầu tính lãi và bà T không yêu cầu xem xét phần tiền lãi trước đây đã đóng cho bà N nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T, ông M bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 176.800.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T, ông M không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T, ông M còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà T, ông M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.840.000 đồng.

Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.445.000 đồng theo lai thu số 0000052 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà N, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tạnh Kieân Giang;
- VKSND tạnh Kieân Giang;
- VKSND huyeân Kieân Lôông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Nhöông ngöôøi TGTT;
- Löu taáp aùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ
THAẢM
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN
TOA**

Nguyễn Văn Pho

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA